

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh”; Giấy phép khai thác khoáng sản số 30/GP-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2628/TTr-STNMT ngày 18/6/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH xây dựng và thương mại HTV tại Văn bản số 02/2024/CV-HTV ngày 20/02/2024; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 1169/STNMT-MT ngày 18/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 05/2024/CV-HTV ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại HTV về bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện); thực hiện Thông báo kết luận họp UBND tỉnh số 370/TB-UBND ngày 08/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại HTV (địa chỉ: Tờ 1, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư khai thác mỏ cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi, tại xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác mỏ cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3002140181, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/07/2022 do Phòng ĐKKD, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp.

1.4. Mã số thuế: 3002140181.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Cơ sở: Khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Khai thác mỏ cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi tại xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, trên diện tích 2,6ha.

- Quy mô, công suất của cơ sở: Khai thác 15.000m³ nguyên khai/năm.
(Chủ cơ sở thuê nhà của ông Phan Trọng Hoài tại thôn 1, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang để làm văn phòng và nơi ở của công nhân).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại HTV (đơn vị đề xuất), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 27/QĐ-STNMT ngày 26/02/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), UBND huyện Vũ Quang (cơ quan phối hợp, kiểm tra, giám sát việc thực hiện), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại HTV sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vũ Quang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với “Mỏ khai thác cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh (phụ trách);
- Công ty TNHH Xây dựng và TM HTV;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sản xuất từ quá trình sàng lọc cát và nước rỉ cát.
- Nguồn số 02: nước mưa chảy tràn qua khu vực chế biến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sản xuất và nước mưa chảy tràn qua khu vực chế biến về hồ lắng, sau đó vào mương thoát và chảy ra sông Ngàn Trươi.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Ngàn Trươi, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2028889; Y(m) = 573378 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sản xuất: 24,02 m³/h (tính trung bình cho thời gian làm việc 8h/ca).

- Nước mưa chảy tràn (những ngày có mưa lớn nhất): 12,04 m³/h.

2.2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: đối với nước thải sản xuất, xả liên tục trong thời gian khai thác của mỏ; đối với nước mưa chảy tràn, tại thời điểm có mưa.

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải sản xuất và nước mưa chảy tràn qua khu vực chế biến, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 1$, $K_f = 1,1$. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q = 1$, $K_f = 1,1$)
1	pH	Thang pH	6 ÷ 9
2	COD	mg/l	82,5
3	BOD ₅	mg/l	33
4	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	5,5
5	Tổng Nito	mg/l	22

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q = 1$, $K_t = 1,1$)
6	Tổng Photpho	mg/l	4,4
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	55
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,5

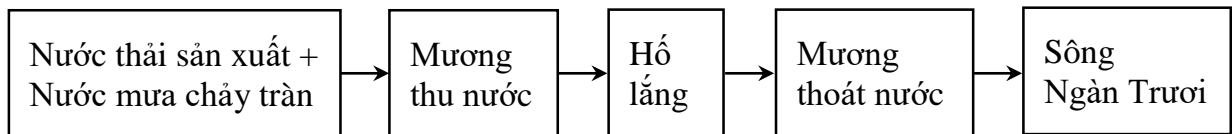
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sản xuất và nước mưa chảy tràn qua khu vực chế biến được thu gom bằng mương thu nước (mương đất) xung quanh khu vực bãi chế biến (kích thước: dài 132m, sâu 1m, đáy 0,5m) dẫn về hồ lắng (kích thước: D_xR_xH = 15m x 10m x 2,5m) tại vị trí góc phía Đông của bãi chế biến để lắng lọc cơ học, sau đó vào mương thoát (mương đất, kích thước: Dài 50 m, sâu 1m, đáy 0,5m) và chảy vào sông Ngàn Trươi.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sản xuất và nước mưa chảy tràn:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 hồ lắng có lót bạt chống thấm, có kích thước: D_xR_xH = 15mx10mx2,5m.

- Nước thải sản xuất và nước mưa chảy tràn được thu gom dẫn về hồ lắng để xử lý bằng biện pháp lắng cơ học sau đó dẫn vào mương thoát và chảy ra sông Ngàn Trươi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực chế biến và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: bụi, khí thải từ hoạt động của máy xúc, máy xáng cạp, ô tô vận chuyển cát đi tiêu thụ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải: đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Thực hiện phun nước làm ẩm dọc tuyến đường vận chuyển ra vào mỏ (từ khu vực mỏ ra đường mòn Hồ Chí Minh) theo tần suất cam kết (4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng; 2 lần/ngày vào những ngày bình thường) đảm bảo ngăn ngừa giảm thiểu bụi phát tán vào khu vực dân cư xung quanh.

- Thùng xe vận tải chở cát phải được phủ bạt, chở đúng trọng tải quy định.

- Phương tiện, thiết bị hoạt động trên khu vực khai thác và phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; định kỳ kiểm định, bảo dưỡng theo quy định.

- Định kỳ kiểm tra, cải tạo, nâng cấp những chỗ hư hỏng trên tuyến đường giao thông nội mỏ đến tuyến đường liên thôn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu hoạt động khai thác cát làm phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh cơ sở.

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí xung quanh, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động của cơ sở ảnh hưởng đến môi trường không khí./.

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của UBND tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị bơm hút, đào xúc, sàng tuyển, phương tiện vận chuyển tại khu vực khai thác, bãi chế biến và ra vào mỏ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại các vị trí đặt máy bơm hút, xáng cạp, máy xúc cát, khu vực sàng tuyển cát ở khu vực khai thác cát, bãi chế biến cát (trong khuôn viên của cơ sở) và dọc tuyến đường vận chuyển cát nội mỏ ra đường mòn Hồ Chí Minh.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh máy móc thiết bị, vặn chặt ốc vít máy móc, phương tiện chống rơ,...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung (máy sàng cát,...) phải được kê đệm hoặc cao su ở chân đế máy để hạn chế độ rung.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 04

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	4
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	2
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	1
Tổng cộng				7

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại bãi chế biến cát, bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, lon bia, rau củ quả, thức ăn dư thừa... với khối lượng khoảng 02 kg/ngày.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn sản xuất (bao gồm các loại cành cây, rễ cây vụn, các loại chất thải vô cơ nằm lẫn trong cát): Khối lượng phát sinh khoảng 300 kg/tháng.

- Bùn cặn phát sinh từ quá trình nạo vét hố lắng: Khối lượng khoảng 45 m³/lần/tháng.

- Đất bóc hữu cơ tầng phủ: Khối lượng phát sinh khoảng 5.226 m³ trên toàn bộ diện tích mỏ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS)

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý CTNH, CTCNPKS:

2.1.1. Thiết bị, kho/khu vực lưu chứa:

Bố trí đủ các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 60 lít/thùng) có nắp đậy, không rò rỉ, được dán nhãn và biển cảnh báo theo quy định, phân loại chất thải đặt trong kho chứa chất thải. Kho lưu chứa CTNH: Có diện tích 4m² (2m x 2m) được đặt tại nhà dân (Chủ cơ sở thuê nhà ông Phan Trọng Hoài -

địa chỉ: thôn 1, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang theo Hợp đồng ký ngày 01/12/2023); kết cấu khung thép, có mái che và bao quanh bằng tôn đảm bảo chắn nước mưa, nền bê tông chống thấm và có gờ bao quanh, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.2. Biện pháp thu gom, xử lý:

Hằng ngày, chủ cơ sở thực hiện thu gom chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực khai thác mỏ (nếu có), phân định, phân loại, vận chuyển ra lưu chứa tại kho lưu chứa CTNH và định kỳ, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sản xuất: Được thu gom, lưu giữ cạnh khu vực sàng, lọc cát. Định kỳ (01 tuần/01 lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

- Bùn cặn phát sinh từ quá trình nạo vét hố lắng: Được lưu chứa tại bãi tập kết và sử dụng trồng cây hoặc tận dụng để san gạt tuyến đường vận chuyển trong khu vực mỏ.

- Đất bóc hữu cơ tầng phủ: Được tận dụng để san gạt mặt bằng bãi chế biến và tuyến đường nối khu vực mỏ với đường bê tông liên thôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị và khu vực lưu chứa:

Bố trí 03 thùng có nắp đậy, có thể tích phù hợp (01 thùng đựng chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng, 01 thùng đựng chất thải thực phẩm và 01 thùng đựng chất thải còn lại) đặt tại bãi chế biến cát để thu gom chất thải phát sinh tại mỏ.

2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt còn lại được thu gom phân loại lưu chứa vào thùng đựng riêng; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường, chi trả chi phí ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Trong quá trình khai thác, chủ cơ sở tuân thủ nghiêm thực hiện khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt, thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông

số của hệ thống khai thác, khai thác đúng độ sâu, phạm vi khai thác và sử dụng các phương tiện, máy móc khai thác đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thực hiện quy trình, công nghệ, dây chuyền, thời gian khai thác; thường xuyên thực hiện việc kiểm soát khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh cấp số 30/GP-UBND ngày 06/01/2022 và các nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường sau khi được UBND tỉnh cấp phép; Đảm bảo chiều sâu thiết kế khai thác tối đa có cosd - 5,4m cao hơn cosd đáy sông 1m, góc kết thúc khai thác 26^0 , tạo taluy đáy sông theo góc dốc ổn định tự nhiên của cát; Bảo đảm khoảng cách đến mép bờ sông là 24m theo thiết kế đã được phê duyệt; không khai thác sâu đáy sông tại một chỗ để giảm việc tạo ra các vực xoáy cục bộ trong khu vực khai thác; khai thác đến đâu, thực hiện gia cố bờ sông theo nội dung kế hoạch, phương án cải tạo phục môi trường được phê duyệt nhằm giảm thiểu các tác động để phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ, bão lũ và các tác động đến lòng, bờ, bãi sông. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay việc khai thác, đồng thời có các biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với từng sự cố môi trường theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và một số nội dung như sau:

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ

- Cắt tầng khai thác theo đúng thiết kế đảm bảo góc dốc bờ khai thác, tránh sạt lở đất, cát xuống tầng dưới gây tai nạn trong quá trình khai thác.
- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy.
- Sau mỗi trận mưa, người phụ trách tầng khai thác phải đi kiểm tra an toàn khu vực làm việc: mặt tầng, sườn tầng và những nơi xung yếu liên quan khác và khắc phục hậu quả (nếu có) rồi mới cho người vào làm việc.
- Khi hết ca làm việc, phải di chuyển hết máy móc từ trên tầng khai thác xuống bãi tập kết để tránh hiện tượng sạt lở vào ban đêm gây thiệt hại về tài sản.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, được cơ quan Phòng Cảnh sát PCCC thẩm duyệt, xác nhận và thực hiện các biện pháp đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố bão lũ:

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão để có phương án đối phó kịp thời.
- Thời gian khai thác không quá 08 tháng trong năm, không khai thác trong những ngày mưa lớn hàng năm để phòng tránh lũ lụt sạt lở.
- Thu dọn toàn bộ trang thiết bị, máy móc thi công ra khỏi khu vực khai thác mỏ trước mùa mưa lũ để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị thi công.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành nạo vét hệ thống mương thoát nước để đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước hoạt động hiệu quả.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của khu mỏ; đồng thời phối hợp với lực lượng cứu hộ, phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động đến lòng, bờ, bãi sông

Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý cát lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ; thực hiện các biện pháp giảm thiểu gây sạt lở, giảm thiểu tác động xấu đến chất lượng nước sông Ngàn Trươi gần khu vực khai thác, gồm:

- Phân định ranh giới khu mỏ rõ ràng, đánh dấu trên bờ sông bằng các cột mốc trên mặt nước bằng các phao.

- Tuân thủ thời gian khai thác, **sử dụng các loại phương tiện, thiết bị khai thác đã được đăng ký** theo giấy phép khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp số 30/GP-UBND ngày 06/01/2022 và **báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:** thời gian khai thác trong năm là 08 tháng, bắt đầu từ ngày 01/12 đến hết ngày 30/7 năm sau. Không khai thác cát tại các khu vực nhạy cảm sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở; **sử dụng các loại phương tiện, thiết bị khai thác theo danh mục (bảng 1.6) tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.**

- Trong quá trình khai thác thường xuyên theo dõi diễn biến đường bờ sông, để có phương án bảo vệ, bố trí công tác khai thác hợp lý, ứng phó kịp thời nếu xảy ra sự cố sạt lở bờ sông.

- Cập nhật, theo dõi diễn biến khí hậu, thủy văn để có biện pháp phòng tránh, giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ sông nhằm hạn chế các thiệt hại do mưa lũ, sạt lở bờ sông gây ra.

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát xây dựng bãi bồi sông Ngàn Trươi, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 11/11/2021, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Các hạng mục, nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác:

- Trồng tre dọc ranh giới phía Tây Nam khu mỏ với chiều dài cần trồng tre là 510m, vị trí trồng tre từ góc 1 của mỏ có tọa độ X: 2029130; Y: 506944 đi về hướng Đông Nam dọc theo ranh giới phía Tây Nam khu mỏ đến điểm góc số 6 có tọa độ X: 2028862; Y: 507376. Tổng số cây tre cần trồng là: 714 cây.

- Cắm biển báo nguy hiểm giúp cảnh báo người dân không vào khu vực khai thác (cắm dọc theo ranh giới phía Tây Nam của mỏ); số lượng biển báo dự kiến lắp đặt là 5 biển báo (kích thước: dài x rộng = 70cmx70cm) gắn trên 5 cọc bằng kim loại (kích thước: đường kính cọc 90mm x chiều cao 2,5m, đóng cọc sâu 1m dưới đất).

- Tháo dỡ thiết bị, công trình phụ trợ còn lại trên mỏ.

1.2. Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ: Cải tạo, tu sửa tuyến đường vận tải từ mỏ đến đường liên thôn có chiều dài là 332m, chiều rộng 8m, với diện tích cần san gạt, cải tạo là 2.656 m².

1.3. Trong quá trình khai thác tùy vào điều kiện cụ thể, nếu có phát sinh những vấn đề liên quan, sẽ được tính toán xác định bổ sung điều chỉnh khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường để đảm bảo việc thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 185.163.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Chủ cơ sở đã thực hiện 03 lần (trong tổng số 16 lần) ký quỹ phục hồi môi trường (tính đến ngày 21/05/2024) tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh (theo Thông báo số 49/QBVMT ngày 16/02/2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường và chứng từ giao dịch của Chủ cơ sở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 15/3/2024) với số tiền: 56.783.320 đồng (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

- Số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 128.379.680 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 13 lần (theo thời hạn còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 30/GP-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

- Thời gian và số tiền ký quỹ: Mỗi năm 1 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ. Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường (làm tròn) các năm tiếp theo (mỗi năm) là: 9.875.360 đồng (*Chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*).

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ cơ sở khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

3. Thời gian, tiến độ thực hiện:

Hoạt động	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
Khu vực khai thác				
Trồng tre gia cố bờ sông	Kết thúc khai thác theo từng năm	1 tháng	Sở TNMT, UBND huyện Vũ Quang, UBND xã Quang Thọ và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ cơ sở
Cấm biển báo nguy hiểm	Trong quá trình khai thác	3 ngày		Chủ cơ sở
Tháo dỡ các công trình phụ trợ (trạm cân, di dời máy móc, thiết bị...)	Sau khi kết thúc khai thác	1 tuần		Chủ cơ sở
Khu vực ngoài phạm vi khai thác				
Cải tạo tuyến đường vận chuyên từ mỏ đến tuyến đường liên thôn	Định kỳ, sau kết thúc khai thác theo từng năm	1 tuần, kể từ ngày thực hiện	Sở TNMT, UBND huyện Vũ Quang, UBND xã Quang Thọ và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ cơ sở

Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ cơ sở lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ theo quy định.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Chủ cơ sở phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong hồ sơ, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan./.